

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 242/2020/HS-ST
Ngày 19-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Danh;
2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 205/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 218/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2020 đối với:

- Bị cáo: Nguyễn Trường Đ (tên gọi khác: ĐS), sinh năm 1991 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh B; chỗ ở: Phòng trọ số 5 nhà không số hẻm A, khu phố 2, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trường S và bà Nguyễn Thị X; bị cáo sống chung với chị Phạm Vũ Ngọc S - sinh năm 1993 (không đăng ký kết hôn), có 01 người con sinh năm 2017.

Tiền án:

- Ngày 31/5/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị can chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự.

- Ngày 09/3/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/8/2018.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 14 tháng 11 năm 2019 đến nay tại Nhà tạm giữ – Công an thành phố Biên Hòa; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Nguyễn Trường Đ là người sử dụng trái phép chất ma túy. Vào lúc 10 giờ ngày 14/11/2019, Đại đi đến khu vực đường hẻm 868 thuộc khu phố 2, phường Tr, thành phố B, gặp đối tượng tên Đức (không rõ lai lịch) mua 01 (một) gói ma túy tổng hợp (hàng đá) với giá 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng). Sau khi mua được ma túy, Đại đem về phòng trọ số 5 nhà không số hẻm 868/32 thuộc khu phố 2, phường Tr, thành phố B cất giấu để sử dụng dần.

Đến 11 giờ 20 phút cùng ngày, tại phòng trọ số 5 ở địa chỉ nêu trên, Đại đang cất giấu 01 (một) gói ma túy trong hộp đựng điện thoại để trên nóc tủ quần áo thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

(Biên bản phạm tội quả tang bút lục số: 01, 02; lời khai, biên bản hỏi cung bị can bút lục số: 51, 53-58; lời khai người làm chứng bút lục số: 59, 60)

* Vật chứng:

- 01 (một) gói nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng (Nguyễn Trường Đ khai là ma túy tổng hợp –hàng đá) đã được niêm phong có chữ ký của Đại và dấu mộc của Công an phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa. *(Bút lục số: 04).*

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia số thuê bao 0964756625, số Imel: 353689087450196 và 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) là tài sản của Đại không liên quan đến hành vi phạm tội.

* Tại Kết luận giám định số 1470/PC09-GĐMT ngày 21/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận như sau:

“Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là **ma túy**, có khối lượng 1,5411gam, loại **Methamphetamine**” *(Bút lục số: 07)*

2. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 218/CT-VKSBH ngày 14/4/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Trường Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o, Khoản 2, Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị;

+ Áp dụng Điểm o, Khoản 2, Điều 249 và Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Trường Đ từ : 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù đến 06 (sáu) năm tù.

+ Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

3. Ý kiến của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa:

- **Ý kiến của bị cáo:** Thống nhất với Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa và thừa nhận hành vi phạm tội.

- **Lời nói sau cùng:** Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả, nhận thức được hành vi sai trái của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- *Những chứng cứ xác định có tội:* Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trường Đ thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, kết luận giám định, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai người làm chứng

cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào lúc 11 giờ 20 phút ngày 14/11/2019, tại phòng trọ số 5 nhà không số hẻm A thuộc khu phố 2, phường Tr, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Trường Đ có hành vi tàng trữ trái phép 1,5411 gam ma túy loại Methamphetamine thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

- Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm vào đến chế độ độc quyền quản lý các chất gây nghiện của Nhà nước, góp phần làm gia tăng các tệ nạn, ảnh hưởng trật tự trị an. Bị cáo là người nghiện ma túy, nhận thức rõ được tác hại của ma túy nhưng vẫn tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng là phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo từng bị xử phạt tù bởi cùng hành vi phạm tội, đã chấp hành xong hình phạt nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội. Bị cáo bị xét xử tại 02 bản án (ngày 31/5/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự. Ngày 09/3/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/8/2018), chưa được xóa án tích nên trong vụ án này được xác định là “tái phạm nguy hiểm”.

- Về tội danh: Từ căn cứ trên, xác định bị cáo Nguyễn Trường Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c, Khoản 1 và điểm o, Khoản 2, Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản Cáo trạng số 218/CT-VKSBH ngày 14/4/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Nguyễn Trường Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo các điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội

phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Nguyễn Trường Đ để đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của pháp luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về vật chứng:

- Đối với toàn bộ lượng ma túy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa thu giữ sau giám định thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia số thuê bao 0964756625, số Imel: 353689087450196 do không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Đại.

- Đối với 500.000đồng thu giữ của bị cáo Đại cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[4] Về các vấn đề khác:

Đối với đối tượng tên Đức (chưa rõ lai lịch) có hành vi bán ma túy cho Đại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Trường Đ phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên, bị cáo tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và đề nghị mức hình phạt là phù hợp quan điểm Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của bị cáo tại phiên tòa được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trường Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng Điểm c Khoản 1, Điểm 0, Khoản 2 của Điều 249, điểm s Khoản 1, Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trường Đ** 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù được tính từ ngày 14 tháng 11 năm 2019.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, Khoản 1, Điều 46, điểm c Khoản 1 điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy khối lượng ma túy sau giám định 1,4335gam trong gói niêm phong số 1470/KLGĐ-PC09 ngày 21/11/2019.

- Trả lại Nguyễn Trường Đ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, số Imel: 353689087450196 số thuê bao 0964756625 (đã bị khóa mạng).

Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23 tháng 4 năm 2020.

- Tiếp tục tạm giữ 500.000đồng (năm trăm nghìn đồng) của bị cáo Đại để đảm bảo thi hành án. Số tiền trên hiện đang được lưu giữ tại Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo Biên lai thu tiền số 09922 ngày 23/4/2020.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Trường Đ phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo Nguyễn Trường Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy- Công an thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự; Nhà tạm giữ – Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Huệ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

